CHÍNH PHỦ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 26/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT VÀ HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa bao gồm:

1. Khoản 5 Điều 2 về các tiêu chí cụ thể đối với "chất độc".

2. Khoản 5 Điều 10 về các yêu cầu đối với tổ chức sản xuất hóa chất; về việc thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

3. Khoản 5 Điều 11 về các yêu cầu đối với tổ chức kinh doanh hóa chất.

4. Khoản 7 Điều 12 về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hóa chất.

5. Khoản 7 Điều 14 về nghĩa vụ tổ chức, cá nhân tồn trữ hóa chất; quy định nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

6. Khoản 5 Điều 15 về công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

7. Khoản 2 Điều 18 về các trường hợp được miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

8. Khoản 2 Điều 19 về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

9. Khoản 3 Điều 20 về lộ trình xây dựng Danh mục hóa chất quốc gia và thừa nhận danh mục hóa chất nước ngoài; về trình tự, thủ tục đăng ký hóa chất mới.

10. Khoản 2 Điều 21 về các tổ chức đánh giá hóa chất mới.

11. Khoản 4 Điều 22 về đăng ký, quản lý hóa chất mới.

12. Khoản 4 Điều 26 về bảo mật thông tin liên quan đến bí quyết công nghệ, bí mật thương mại và thông tin bảo mật khác.

13. Khoản 4 Điều 28 về nghĩa vụ cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất.

14. Khoản 9 Điều 29 về chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

15. Khoản 7 Điều 31 về danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa cần công bố thông tin; quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất; thực hiện công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

16. Khoản 3 Điều 32 về cách thức và thông tin công bố hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hóa chất Bảng là hóa chất được kiểm soát theo quy định của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và được ban hành tại Danh mục của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất. Hóa chất Bảng bao gồm chất thuộc Danh mục và hỗn hợp chất chứa chất thuộc Danh mục.

2. Tiền chất công nghiệp là các hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu, dung môi, chất xúc tiến trong sản xuất, nghiên cứu khoa học, phân tích, kiểm nghiệm, đồng thời là các hóa chất cần thiết trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.

3. CAS (Chemical Abstracts Service) là mã số định danh duy nhất cho các nguyên tố hóa học, các hợp chất hóa học, các polyme, các chuỗi sinh học, các hỗn hợp và các hợp kim.

4. Chất độc quy định tại khoản 5 Điều 2 của Luật Hóa chất có một trong các tiêu chí theo nguyên tắc phân loại của GHS sau:

a) Độc cấp tính cấp 1;

b) Tổn thương nghiêm trọng, kích ứng mắt cấp 1;

c) Ăn mòn, kích ứng da cấp 1A;

d) Tác nhân gây ung thư cấp 1A;

đ) Đột biến tế bào mầm cấp 1A;

e) Độc tính sinh sản cấp 1A;

g) Nguy hại môi trường cấp 1.

5. GHS là tên viết tắt của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals).

6. Xác thực, định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất là hoạt động giám sát, quản lý một đơn vị sản phẩm về hóa chất qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình hoạt động hóa chất.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hóa chất

1. Bộ Công Thương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất sau đây:

a) Quản lý hóa chất sử dụng trong công nghiệp, hóa chất là tiền chất thuộc Danh mục do Chính phủ ban hành theo phân công của Chính phủ và hóa chất thuộc Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; quản lý hóa chất sử dụng trong các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng trừ các sản phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Công bố, vận hành, cập nhật, nâng cấp Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

c) Thống nhất quản lý hoạt động phân loại, ghi nhãn hóa chất nguy hiểm; đăng ký, khai báo hóa chất; thông tin an toàn hóa chất;

d) Tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong phạm vi cả nước;

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động hóa chất và an toàn hóa chất;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất;

g) Kiểm tra về hoạt động hóa chất; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;

h) Các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất được Chính phủ phân công.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia, hướng dẫn xây dựng và thẩm định quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực hóa chất theo thẩm quyền.

3. Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

4. Bộ Y tế quản lý hóa chất sử dụng trong bào chế dược phẩm cho người; hóa chất sử dụng trong chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng, y tế; hóa chất sử dụng trong thiết bị y tế; hóa chất sử dụng trong phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, hương liệu thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; hóa chất sử dụng trong sản phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế; phối hợp với các bộ, ngành quy định về vệ sinh an toàn lao động trong hoạt động hóa chất.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hóa chất sử dụng trong phân bón, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và thực phẩm; hóa chất sử dụng trong sản phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động hóa chất; hướng dẫn phân loại, ghi nhãn và xây dựng phiếu an toàn hóa chất đối với các loại thuốc bảo vệ thực vật.

6. Bộ Quốc phòng quản lý hóa chất, sản phẩm hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng; xử lý, thải bỏ chất độc tồn dư, chất độc tồn dư của chiến tranh, chất độc không rõ nguồn gốc và chất độc bị tịch thu.

7. Bộ Công an quản lý hóa chất, sản phẩm hóa chất trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội và phục vụ cho mục đích phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

8. Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia hoạt động hóa chất.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý việc sử dụng hóa chất trong nhà trường, cơ sở dạy nghề cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

10. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương về việc phân bổ ngân sách bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu chuyên ngành; kết nối Cổng thông tin điện tử quốc gia với hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến phục vụ quản lý chuyên ngành hóa chất của Bộ Công Thương.

11. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Luật Hóa chất và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất được phân công phân cấp;

b) Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động hóa chất, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về hoạt động hóa chất tại địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về quản lý hóa chất.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH HÓA CHẤT

Điều 4. Điều kiện chung về đảm bảo an toàn trong sản xuất hóa chất

1. Tổ chức sản xuất hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

3. Nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất. Các biển báo thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất phải có các thông tin: Mã nhận dạng hóa chất; hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ. Hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm (nếu có).

4. Có Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được tổ chức ban hành theo quy định tại Điều 33, 34, 35, 36 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

5. Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất và khối lượng hóa chất tồn trữ tại cơ sở.

6. Công nghệ sản xuất hóa chất phải đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ.

7. Hóa chất trong kho phải được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận lợi cho công tác ứng phó sự cố hóa chất.

8. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có trình độ chuyên môn phù hợp với quy mô và loại hình sản xuất hóa chất, nắm vững công nghệ, phương án và các biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất;

b) Các đối tượng quy định tại Điều 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất tại cơ sở sản xuất phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

9. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 5. Điều kiện chung về đảm bảo an toàn trong kinh doanh hóa chất

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này hoặc thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất trong kho phải tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có trình độ chuyên môn phù hợp với quy mô và loại hình kinh doanh hóa chất, nắm vững phương án và các biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất;

b) Các đối tượng quy định tại Điều 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất tại cơ sở kinh doanh phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 6. Khai báo hóa chất nhập khẩu

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất thuộc các chương 28 và chương 29 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phải có trách nhiệm thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu trước khi thông quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu

a) Các thông tin khai báo trên Cổng thông tin một cửa quốc gia bao gồm các thông tin tổ chức, cá nhân khai báo, các thông tin hóa chất nhập khẩu;

b) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài;

c) Phiếu an toàn hóa chất;

d) Trường hợp đối với mặt hàng phi thương mại không có hóa đơn thương mại, tổ chức, cá nhân khai báo hóa chất có thể sử dụng giấy báo hàng về cảng thay cho hóa đơn thương mại.

3. Tạo tài khoản truy cập và giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

a) Tổ chức, cá nhân tạo tài khoản đăng nhập theo mẫu quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, bao gồm các thông tin, tệp tin đính kèm;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo hóa chất thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Thông tin khai báo được tự động chuyển đến hệ thống cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương, khi đó hệ thống của Bộ Công Thương sẽ tự động phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tới các tổ chức, cá nhân khai báo và cơ quan Hải quan;

c) Thông tin phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu có giá trị pháp lý để làm thủ tục thông quan. Sau khi hóa chất được thông quan, hệ thống của cơ quan Hải quan gửi phản hồi trạng thái thông quan gồm thông tin tờ khai, hóa chất, khối lượng hóa chất thông quan qua hệ thống của Bộ Công Thương;

d) Thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định.

4. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin khai báo theo biểu mẫu có sẵn trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các văn bản, chứng từ, dữ liệu điện tử trong bộ hồ sơ khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp thông tin khai báo không chính xác, hồ sơ khai báo hóa chất điện tử là cơ sở để tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng hệ thống quản lý tiếp nhận thông tin khai báo; chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan kiểm tra tổ chức, cá nhân hoạt động khai báo hóa chất.

6. Dữ liệu nhập khẩu hóa chất của tổ chức, cá nhân được Bộ Công Thương chia sẻ với các cơ quan quản lý ngành ở địa phương thông qua Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

7. Các trường hợp miễn trừ khai báo

a) Nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu;

b) Nhập khẩu hóa chất cấm khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu;

c) Nhập khẩu dưới 10 kg hóa chất thuộc khoản 1 Điều này;

d) Nhập khẩu dưới 01 kg hóa chất mới để thử nghiệm, đánh giá đặc tính hóa lý;

đ) Nhập khẩu hỗn hợp chất không thuộc các chương 28 và chương 29 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành có chứa hóa chất thuộc các chương 28 và chương 29.

Mục 2. HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 7. Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 8. Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định này.

5. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất có điều kiện;

đ) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất;

e) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất;

g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026

của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

h) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho chứa hóa chất;

đ) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh;

e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

g) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất có điều kiện;

đ) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh hóa chất;

e) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất và kinh doanh;

g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

h) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất có điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có thẩm quyền thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho tổ chức.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh;

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện;

đ) Sau khi cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận lần đầu qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; chủng loại, hàm lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận lần gần nhất qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy chứng nhận.

8. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Điều 10. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức chỉ được xuất khẩu hóa chất có điều kiện theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Tổ chức chỉ được nhập khẩu hóa chất có điều kiện với mục đích kinh doanh theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất có điều kiện với mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó phải công bố mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất và không cần Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

4. Ngoài hồ sơ theo pháp luật về hải quan, khi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện với mục đích kinh doanh, tổ chức phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mục 3. HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 11. Điều kiện sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này.

4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

5. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.

6. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).

7. Chỉ được sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 của Luật Hóa chất.

8. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 12. Điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực lưu trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định này.

5. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).

6. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

c) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

đ) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép sản xuất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 9 của Nghị định này;

c) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

d) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 3 Điều 9 của Nghị định này;

c) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và bản cam kết sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các mục đích không bị cấm;

đ) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh.

4. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất để cấp Giấy phép;

Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép gửi bản sao Giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý.

d) Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

8. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Luật Hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là điều kiện để thông quan khi xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

3. Tổ chức, cá nhân phải lập tài khoản trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất và công bố mục đích sử dụng khi thực hiện việc nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác.

4. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài;

c) Phiếu an toàn hóa chất;

d) Báo cáo về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán và sử dụng, tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 theo các Giấy phép đã được cấp;

đ) Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với trường hợp tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất;

e) Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với trường hợp tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ mục đích kinh doanh;

g) Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là hóa chất Bảng 3 thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất phải có bản sao Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu không phải là quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học.

6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp phát sinh sự cố hệ thống, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tiền chất công nghiệp thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất từ Việt Nam sang nước ngoài phải có văn bản chấp thuận của Bộ Công an.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và gửi Bộ Công an những thông tin về tên, địa chỉ tổ chức đề nghị cấp phép xuất khẩu; tên gọi, hàm lượng, số lượng tiền chất; tên, địa chỉ tổ chức nhập khẩu; tên cửa khẩu có hàng xuất khẩu đi qua để ra thông báo tiền xuất khẩu đối với lô hàng cho cơ quan chức năng của nước nhập khẩu. Trường hợp Bộ Công an không thông qua yêu cầu thông báo tiền xuất khẩu thì cơ quan cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn Giấy phép

a) Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm đ khoản 6 Điều này nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

b) Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối gia hạn trên hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia và nêu rõ lý do;

đ) Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

10. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sản xuất hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

hóa chất trước 30 ngày khi đưa hóa chất vào sử dụng lần đầu hoặc khi thay đổi mục đích sử dụng đã công bố.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định biểu mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Mục 4. HÓA CHẤT CẤM

Điều 16. Điều kiện sản xuất hóa chất cấm

1. Tổ chức sản xuất hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm.

3. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này;

b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hóa chất cấm.

4. Công nghệ phải tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định này.

5. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 thuộc Phụ lục III của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất với mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc quốc phòng, an ninh tại cơ sở quy mô đơn lẻ phải đáp ứng các quy định sau:

a) Việc sản xuất được thực hiện trong các thiết bị phản ứng không cấu thành sản xuất liên tục;

b) Dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít.

6. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, phải đáp ứng quy định về cơ sở sản xuất và quy mô sản xuất cho các mục đích cụ thể như sau:

a) Quốc phòng, an ninh: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

b) Nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm: một cơ sở sản xuất với sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với một hóa chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

c) Phòng thí nghiệm: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 100 gam/năm.

7. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất cấm phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

8. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.

9. Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).

10. Tuân thủ yêu cầu đối với hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại Điều 25, 26, 27, 28, 29 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép, nội dung Giấy phép sản xuất hóa chất cấm

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm sử dụng trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm;

b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

c) Bản thuyết minh quy trình công nghệ, thao tác an toàn trong sản xuất hóa chất cấm;

d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm và bản cam kết sản xuất hóa chất cấm cho một hoặc một số mục đích đặc biệt được quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư, bao gồm phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh;

đ) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất cấm đề nghị cấp Giấy phép sản xuất.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy phép

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Giấy phép sản xuất hóa chất cấm có thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định các nội dung điều chỉnh và cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

6. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

7. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Điều 18. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cấm

1. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm cho tổ chức, cho phép xuất khẩu hoặc tiêu hủy hóa chất cấm theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Luật Hóa chất.

2. Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

a) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm;

c) Có các thông tin cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ hóa chất cấm, nội quy về an toàn hóa chất, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất cấm tại khu vực tồn trữ, sản xuất;

d) Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất;

đ) Có kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phương tiện bảo đảm an toàn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: chủng loại; khối lượng; cách thức bảo quản; kế hoạch kiểm gia, giám sát).

3. Điều kiện xuất khẩu hóa chất cấm:

a) Tổ chức không sử dụng hết hóa chất cấm theo thời hạn sử dụng quy định tại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Chỉ được thực hiện xuất khẩu khi có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp không xuất khẩu, tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện tiêu hủy hóa chất cấm. Việc tiêu hủy phải đảm bảo an toàn môi trường, an toàn lao động và lập hồ sơ theo dõi.

4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm;

b) Bản sao Giấy phép sản xuất hóa chất cấm đã được cấp;

c) Hóa đơn thương mại bản gốc và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bằng tiếng nước ngoài, trong đó ghi rõ tên, số lượng hàng hóa, thời gian và quốc gia xuất khẩu;

d) Bản cam kết mục đích sử dụng hóa chất cấm cho nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

đ) Phiếu an toàn hóa chất;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu, sử dụng và tồn trữ hóa chất cấm theo các Giấy phép đã được cấp.

5. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản này;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi cơ quan cấp Giấy phép qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm

a) Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép; Giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và cấp Giấy phép theo trình tự, thủ tục như cấp mới Giấy phép;

d) Thời hạn Giấy phép cấp điều chỉnh thực hiện như cấp mới Giấy phép.

8. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Mục 5. DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT

Điều 19. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định này.

3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

a) Hóa chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định này.

4. Năng lực chuyên môn

a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa học;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 của Nghị định này.

5. Tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại Điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật Hóa chất.

6. Chỉ được tồn trữ theo đúng quy mô, loại hóa chất theo Giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 20. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất;

b) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của kho tồn trữ hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho tồn trữ hóa chất;

c) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo quy định của pháp luật về xây dựng);

d) Bản sao Quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của kho tồn trữ hóa chất;

đ) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa học của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của kho tồn trữ hóa chất;

e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

g) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm theo đơn đề nghị cấp phép.

2. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa hóa chất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Cơ quan có thẩm quyền cấp gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

d) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định:

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất để lấy ý kiến. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các kho tồn trữ hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản về việc đã đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Cơ quan có thẩm quyền cấp gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất để phối hợp theo dõi, quản lý;

đ) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh trong trường hợp thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Thời hạn của Giấy chứng nhận cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã cấp.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của kho tồn trữ hóa chất; quy mô, hóa chất tồn trữ, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng bao gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục, thời hạn như cấp mới Giấy chứng nhận.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở tồn trữ hóa chất thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

8. Bộ Công Thương xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết việc thực hiện quy định về điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

9. Tổ chức thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

10. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu hồ sơ quy định tại Điều này.

Mục 6. MIỄN TRỪ, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP

Điều 21. Các trường hợp miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất, kinh doanh đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nồng độ dưới 0,1% (<0,1%) khối lượng của hỗn hợp chất.

2. Miễn trừ cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 có nồng độ dưới 1% (<1%) khối lượng của hỗn hợp chất, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 có nồng độ dưới 5% (<5%) khối lượng của hỗn hợp chất.

3. Miễn trừ cấp Giấy phép sản xuất, nhập khẩu đối với hóa chất cấm có nồng độ dưới 0,1% (<0,1%) khối lượng của hỗn hợp chất.

4. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất đối với việc san chiết, pha chế hóa chất nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân thực hiện việc san chiết, pha chế.

5. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động tồn trữ đối với tổ chức có hoạt động cho thuê đất không bao gồm cơ sở vật chất để tồn trữ hóa chất; tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nồng độ dưới 0,1% (<0,1%) khối lượng của hỗn hợp chất.

6. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh đối với hóa chất có điều kiện và Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong trường hợp hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt chứa trong các sản phẩm sau đây:

a) Dược phẩm; chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng; thực phẩm; mỹ phẩm;

b) Thức ăn chăn nuôi; thức ăn thủy sản; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón hóa học là phân bón hỗn hợp, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón khoáng sinh học; sản phẩm bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;

c) Chất phóng xạ; vật liệu xây dựng; sơn, mực in;

d) Các sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực gia dụng bao gồm keo dán, sản phẩm tẩy rửa, hóa mỹ phẩm;

đ) Xăng, dầu theo quy định pháp luật về xăng, dầu; condensate, naphta sử dụng trong chế biến xăng dầu;

e) Pin, ắc quy, thiết bị y tế, thiết bị thí nghiệm.

Điều 22. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận; Giấy phép đã cấp cho tổ chức, cá nhân.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất thực hiện như sau:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép, cơ quan cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra trong đó có kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép hoặc phát hiện các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất, cơ quan cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép thuộc thẩm quyền quản lý; trường hợp không thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép phải có văn bản trả lời cho cơ quan kiến nghị thu hồi và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi, tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận, Giấy phép đến cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép, trừ trường hợp cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

4. Quyết định thu hồi được gửi đến tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép và thông báo cho các cơ quan liên quan để phối hợp giám sát, quản lý.

Chương III

THÔNG TIN HÓA CHẤT

Điều 23. Đăng ký hóa chất mới

1. Hồ sơ đăng ký hóa chất mới bao gồm:

a) Văn bản đăng ký hóa chất mới;

b) Kết quả đánh giá hóa chất mới bao gồm thông tin về tính chất vật lý, hóa học và đặc tính nguy hiểm của hóa chất được cung cấp bởi tổ chức đánh giá hóa chất mới quy định tại Điều 21 của Luật Hóa chất.

2. Trường hợp đăng ký hóa chất mới thuộc các Danh mục đã được Việt Nam công nhận tại khoản 5 Điều này, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất mới gửi hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký hóa chất mới;

b) Báo cáo tóm tắt đánh giá hóa chất kèm theo mã số CAS hoặc số UN của hóa chất mới ở hai danh mục hóa chất nước ngoài;

c) Hồ sơ chứng minh hóa chất đã được đưa vào lưu thông trên thị trường (báo cáo về khối lượng sản xuất, kinh doanh).

3. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký hóa chất mới.

4. Trình tự, thủ tục, tiếp nhận đăng ký và thẩm định hóa chất mới

a) Thời hạn thẩm định, xác nhận là 90 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân phải hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký hóa chất mới lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan thẩm định qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

d) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức thẩm định hóa chất mới. Thẩm định hóa chất mới được thực hiện thông qua Hội đồng đánh giá hóa chất mới;

đ) Trường hợp hồ sơ đăng ký hóa chất mới không được thông qua, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập lại hồ sơ. Hồ sơ, thủ tục thẩm định thực hiện như đối với tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ lần đầu;

e) Trường hợp Hội đồng đánh giá hóa chất kiến nghị cấm nhập khẩu, sản xuất hóa chất được đánh giá, Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng văn bản trong thời gian 07 ngày làm việc;

g) Trường hợp Hội đồng đánh giá hóa chất kiến nghị Bộ Công Thương cho phép nhập khẩu, sản xuất hóa chất được đánh giá, Bộ Công Thương có trách nhiệm xác nhận đăng ký hóa chất mới trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

h) Hội đồng đánh giá hóa chất do Bộ Công Thương thành lập. Hội đồng đánh giá hóa chất gồm đại diện cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý chuyên ngành, các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan;

i) Thành phần của Hội đồng đánh giá gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, ủy viên thư ký và các ủy viên. Chủ tịch là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn. Tổng số thành viên Hội đồng tối thiểu là 07 người, tối đa là 09 người;

k) Hội đồng có trách nhiệm đánh giá, thẩm định hóa chất và chịu trách nhiệm về kết luận đánh giá hóa chất mới;

l) Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc thảo luận tập thể giữa các thành viên trong Hội đồng và lập Biên đánh giá hóa chất. Hội đồng chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi ban hành Kết luận đánh giá hóa chất mới;

m) Hội đồng đánh giá chỉ tiến hành họp khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch. Chỉ những thành viên Hội đồng tham gia họp mới được tham gia bỏ phiếu đánh giá;

n) Bộ Công Thương cho phép nhập khẩu, sản xuất hóa chất được đánh giá trên cơ sở kết quả đồng thuận 100% của các thành viên Hội đồng.

5. Danh mục hóa chất nước ngoài được Việt Nam thừa nhận gồm có Danh mục các hóa chất do Cục Hóa chất Châu Âu (European Chemicals Agency (ECHA); Danh mục hóa chất TSCA do Cục Bảo vệ môi trường Mỹ (U.S. Environmental Protection Agency (EPA)); Danh mục hóa chất đang tồn tại và hóa chất mới (ENCS) do Bộ Kinh tế Nhật Bản (METI) công bố trên Cơ sở dữ liệu của các tổ chức này.

6. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu theo quy định tại Điều này; xây dựng và trình Chính phủ ban hành Danh mục Hóa chất quốc gia trước năm 2028 và lộ trình áp dụng đánh giá hóa chất mới sau khi ban hành Danh mục hóa chất quốc gia và Danh mục hóa chất nước ngoài được Việt Nam thừa nhận tại khoản 5 Điều này.

Điều 24. Tổ chức đánh giá hóa chất mới

1. Tổ chức đánh giá hóa chất mới là tổ chức có đủ năng lực để đánh giá hóa chất mới, được Bộ Công Thương chỉ định đáp ứng quy định của Chính phủ về hoạt động đánh giá sự phù hợp.

2. Điều kiện đối với tổ chức được chỉ định đánh giá hóa chất mới tại Việt Nam

a) Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của Chính phủ về hoạt động đánh giá sự phù hợp, trong đó có lĩnh vực thử nghiệm đăng ký chỉ định;

b) Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

3. Kết quả thử nghiệm đánh giá hóa chất mới do các tổ chức thử nghiệm hợp chuẩn của nước ngoài được Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) công nhận trong đánh giá hóa chất mới.

Điều 25. Quản lý hóa chất mới

1. Hóa chất mới được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuân thủ các quy định quản lý như đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hóa chất mới được đăng ký, hằng năm, tổ chức, cá nhân có hoạt động hóa chất liên quan đến hóa chất mới phải báo cáo Bộ Công Thương về quá trình hoạt động với hóa chất mới.

3. Căn cứ kết quả đánh giá hóa chất mới và báo cáo quá trình hoạt động với hóa chất mới, Bộ Công Thương đề xuất Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung hóa chất mới vào các Danh mục hóa chất có điều kiện, Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Danh mục hóa chất cấm để quản lý.

Điều 26. Bảo mật thông tin

1. Tổ chức, cá nhân khai báo, đăng ký, báo cáo, cập nhật thông tin, cập nhật dữ liệu theo quy định của Luật Hóa chất có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức tiếp nhận có trách nhiệm bảo mật thông tin có liên quan đến bí quyết công nghệ, bí mật thương mại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật Hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị bảo mật thực hiện khai báo, đăng ký, báo cáo theo thông tin mã hóa đã đăng ký với cơ quan, tổ chức tiếp nhận.

3. Khi nhận được yêu cầu của tổ chức, cá nhân khai báo, đăng ký, báo cáo, cơ quan, tổ chức tiếp nhận có trách nhiệm đánh giá yêu cầu bảo mật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Hóa chất.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai báo, đăng ký, báo cáo không cung cấp trực tiếp được thông tin, tài liệu, tổ chức sản xuất, cung ứng hóa chất nước ngoài phải thực hiện cung cấp thông tin mã đã đăng ký thông qua văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân được chỉ định đại diện tại Việt Nam cho cơ quan, tổ chức tiếp nhận đề nghị bảo mật.

Kết quả đánh giá phải được gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị và gửi về Bộ Công Thương để công bố trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

5. Cơ quan, người tiếp nhận khai báo, đăng ký, báo cáo hóa chất, tổ chức, cá nhân yêu cầu bảo mật có trách nhiệm cung cấp thông tin bảo mật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 27. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất

1. Chuyển đổi số nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về hóa chất.

Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Công bố, vận hành, nâng cấp, cập nhật thường xuyên đảm bảo Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất vận hành an toàn, hiệu quả, xây dựng cơ chế chia sẻ, sử dụng thông tin Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

b) Xây dựng chức năng cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép điện tử đối với Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện, Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy chứng nhận đủ điều kiện dịch vụ tồn trữ qua dịch vụ công của Bộ Công Thương;

c) Xây dựng, ban hành và cập nhật Danh mục hóa chất quốc gia trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

d) Xây dựng quy chế quản lý khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng mục đích, tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng;

đ) Bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo nhu cầu về quản lý trong lĩnh vực hóa chất; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, xác thực, định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan xây dựng, triển khai, quản lý, vận hành và chia sẻ thông tin hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (tích hợp với Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt) trên nền tảng định danh, xác thực điện tử;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm thực hiện việc xác thực, định danh, truy xuất nguồn gốc khi hệ thống hoàn thiện và được Bộ Công an công bố.

3. Chế độ cung cấp thông tin

a) Chế độ cung cấp thông tin của cơ quan quản lý nhà nước

Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đồng bộ, chia sẻ dữ liệu quản lý về hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định bao gồm: tình hình hoạt động hóa chất và quản lý hóa chất thuộc lĩnh vực quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; kết quả thực hiện chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất của các bộ, cơ quan ngang bộ;

Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin đã có trên các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính khi việc đồng bộ, chia sẻ dữ liệu quản lý trên môi trường điện tử của cơ quan quản lý nhà nước được hoàn thiện.

b) Chế độ cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin sau đây vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định bao gồm:

Tình hình hoạt động hóa chất của năm trước định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hằng năm;

Tình hình thực hiện dự án theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng của chủ đầu tư dự án hóa chất trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng;

Tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ hằng năm của chủ đầu tư dự án hóa chất sau khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng;

Tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu đối với sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm của tổ chức;

Tình hình hoạt động hóa chất khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất, chấm dứt hoạt động hóa chất và khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

HOÁ CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 28. Kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm

1. Quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất phải đảm bảo các mục tiêu sau:

a) Giám sát thành phần, hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong nguyên liệu đầu vào;

b) Giám sát thành phần, hàm lượng hóa chất nguy hiểm phát thải trong quá trình sản xuất;

c) Giám sát thành phần, hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm cuối;

d) Không làm thất thoát hóa chất nguy hiểm.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất căn cứ theo điều kiện hoạt động thực tế và khoản 1 Điều này.

Điều 29. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm phải thực hiện:

1. Khai báo các thông tin sau đây lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất (khai báo theo lô hàng sản xuất hoặc nhập khẩu) trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường:

a) Tên sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm;

b) Tên hóa chất nguy hiểm;

c) Đặc tính nguy hiểm của hóa chất;

d) Hàm lượng;

đ) Lĩnh vực sử dụng của sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm.

2. Công bố thông tin về thành phần và hàm lượng hóa chất nguy hiểm và khuyến cáo hạn chế sử dụng đối với của sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm, thể hiện trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc tại nơi trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho bên mua và trên nhãn hàng hóa của sản phẩm, hàng hóa.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử chứng minh tính chính xác của các thông tin được công bố tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Tổ chức, cá nhân phải xuất trình hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin khai báo tại khoản 1 và thông tin công bố tại khoản 2 Điều này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng, tiền chất công nghiệp, hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh

trong lĩnh vực công nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo Giấy phép đã được cấp đến khi hết thời hạn của Giấy phép.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đã được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

3. Đối với việc sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được ban hành tại Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất mà không thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh và Danh mục tiền chất công nghiệp được ban hành theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Danh mục hóa chất Bảng được ban hành tại Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học thì phải đáp ứng quy định của Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

4. Đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được ban hành theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất mà không thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh và Danh mục tiền chất công nghiệp được ban hành tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Danh mục hóa chất Bảng được ban hành tại Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học thì được miễn xuất trình hồ sơ về Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

5. Đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất là tiền chất công nghiệp được đưa vào Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt ban hành theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất thì được sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp đã được cấp thay thế cho Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

6. Đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất là hóa chất Bảng; hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh được đưa vào Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt ban hành theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất thì được sử dụng Giấy phép sản xuất, kinh doanh đã

được cấp thay thế cho Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho đến khi hết hiệu lực của Giấy phép.

7. Đối với hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện được ban hành theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất mà không thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện và Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh được ban hành theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất thì phải đáp ứng quy định của Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

8. Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất đối với việc nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sử dụng và tổ chức, cá nhân thực hiện công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa phải đáp ứng quy định của Nghị định này trước ngày 01 tháng 3 năm 2026.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất tại Điều 19, Điều 20 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Bãi bỏ Điều 8, 9 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; điểm a khoản 14 Điều 4 và các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20 của Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; các Điều 6, 7, 8, 9 của Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Bùi Thanh Sơn

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN(2).